BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN NỘI TIẾT TW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 851 /BVNTTW

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nội tiết Trung ương có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu Mua sắm Vật tư y tế lần 2 năm 2024 (230 danh mục), nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Nội tiết trung ương. Địa chỉ: Đường Nguyễn Bồ (Ngõ 215 Ngọc Hồi) - Tứ Hiệp - Thanh Trì - Hà Nội.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Thị Phượng, Phòng Vật tư TBYT. Số điện thoại: 098.4704354.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng 403 Nhà A Bệnh viện Nội tiết trung ương. Đường Nguyễn Bồ (Ngõ 215 Ngọc Hồi) - Tứ Hiệp - Thanh Trì - Hà Nội.

Nhà thầu gửi kèm bản mềm báo giá vào địa chỉ email : Email: vttbyt.bvnttw@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 15h00 ngày 04-7-2024 đến 15h00 ngày 15-7-2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày 15-7-2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa:

STT	Tên hàng	ĐV tính	Số lượng đề xuất 2024-2026	Thông số kỹ thuật
1	Ăng cấy 1 µl	Cái	7.500	Nguyên liệu nhựa ABS hoặc tương đương, đầu que cấy 1µl. Tiệt trùng bằng chiếu xạ tia gamma.
2	Ba chạc có dây nối	Cái	47.800	Chạc 3 tiêm có dây nối khoảng 10cm có thể tích đuổi khí khoảng 0.80 ml. Chất liệu: Polycarbonate, HD-Polyethylene hoặc tương đương. Sản phẩm không chứa DEHP/Phtalates, latex. Tốc độ dòng chảy trong khoảng từ 410 -490 ml/phút. Đáp ứng tiêu chuẩn không rò rỉ dịch và áp lực đề kháng cao chống nứt vỡ: ≥300kPa, tương

				thích với tất cả dịch truyền, nhũ dịch béo, lấy máu, theo dõi huyết động. Khóa xoay 360°, cơ chế xoay có gờ nhận biết để đóng/mở khóa. Đã được tiệt trùng.Đạt tiêu chuẩn CE
3	Ba chạc không dây nối	Cái	16.100	Chạc 3 tiêm không dây nối có thể tích đuổi khí khoảng 0.22 ml. Chất liệu: Polycarbonate, HD-Polyethylene hoặc tương đương. Sản phẩm không chứa DEHP/Phtalates, latex. Tốc độ dòng chảy khoảng từ 320-360 ml/phút. Đáp ứng tiêu chuẩn không rò rỉ dịch và áp lực đề kháng cao chống nứt vỡ ≥ 300kPa, tương thích với tất cả dịch truyền, nhũ dịch béo, lấy máu, theo dõi huyết động. Khóa xoay 360°, cơ chế xoay có gờ nhận biết để đóng/mở khóa. Đã được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn CE
4	Bàn chải đánh tay PTV	Cái	90	Bàn chải sử dụng để đánh tay phẫu thuật viên
5	Băng cổ tay ghi tên bệnh nhân	Cái	64.900	Chất liệu PVC hoặc tương đương. Có 02 màu trở lên. Có chỗ ghi thông tin bệnh nhân. Có đục lỗ. Có các cỡ.
6	Băng cuộn DACC hoặc tương đương sử dụng cho vết thương sâu kích thước khoảng 5cm X 200cm	Cuộn	220	Băng cuộn DACC hoặc tương đương sử dụng cho vết thương sâu, kích thước5cm X 200cm hoặc tương đương
7	Băng dán có nano bạc kích thước khoảng 9x15cm	Miếng	4.400	Băng dán có nano bạc, kích thước 9x15cm hoặc tương đương
8	Băng dính bản lớn kích thước 10cm x 10m hoặc tương đương	Cuộn	1.620	Nền không đan dệt có các lỗ thông thoáng nhỏ, co giãn Keo không dị ứng, phù hợp cho da nhạy cảm. Kích thước 10cm x 10 m hoặc tương đương.
9	Băng dính lụa y tế kích thước 5cm x 9m hoặc tương đương	Cuộn	13.788	Băng có cấu tạo nền vải lụa: 50-70%, phủ lớp keo Acrylate: 30-50%. Polymer: <1%. Ít gây dị ứng. Băng dễ dàng xé theo 2 chiều. Kích thước 5cm x ≥9m hoặc tương đương
10	Băng gạc có bạc dành cho vết thương hoại tử nhiễm trùng kích thước 10cm x10cm hoặc tương đương	Miếng	1.100	Gạc dạng miếng tiệt trùng, không dệt, có độ thấm hút cao và chứa các sợi đa thấm hút (polyacrylate) kết dính giúp loại bỏ các mảnh hoại tử. Gạc được phủ bởi một lớp chất nền lành thương bám dính nhẹ có tẩm bạc, hàm lượng bạc sulfat (0.36-0.81mg/cm2).
11	Băng gạc xốp thấm hút lipido-colloid (hoặc tương đương) hơi dính 10 x10cm	Miếng	1.320	Gạc xốp thấm hút loại hydrocellular hơi dính. Cấu tạo gồm: lớp xốp thấm hút polyurethan, lớp bảo vệ mặt ngoài làm bằng vải polyurethane không dệt. Định lượng NOSF (Nano-Oligosaccarid Factor): 0.83-1.73 mg/cm² (1.28 ± 0.45 mg/cm²)
12	Băng keo chỉ thi nhiệt cho tiệt khuẩn hơi nước	Cuộn	420	Băng giấy phủ keo dính Acrylic và vạch mực chỉ thị hóa học giúp xác định gói dụng cụ đã qua tiếp xúc với quá trình tiệt khuẩn hay chưa. Thành phần không chứa Chì. Đạt tiêu chuẩn FDA
13	Băng phim dính y tế trong suốt cố định kim luồn	Cái	5.800	Thành phần: Giấy lót phủ Silicon, Film Polymer Urethane, Keo Acrylate. Băng film trong Polymer urethane chống nước, vi khuẩn, virus hoặc tương đương. Nền keo Acrylate, độ dính tốt và không gây kích ứng da, không sót keo khi tháo băng. Có khung

				viền giấy dễ thao tác, có nhãn ghi ngày giờ dán băng. Kích thước 6cm x 7cm hoặc tương đương
14	Bao cuốn đo huyết áp người lớn	Cái	20	Kích thước bao khoảng 13cm, dài rộng bao từ 23 - 33cm.
15	Bầu lọc tinh dùng cho bồn rửa tay tự động	Cái	220	Màng lọc đạt chứng nhận kiểm tra trên vi khuẩn theo tiêu chuẩn ASTM F838 (quy trình kiểm tra vi sinh) với khả năng giữ vi khuẩn > 10^7/cm² (cấp độ tiệt trùng). Màng lọc chính: ≥ 2 lớp. Vật liệu màng: Polyethersunfone hoặc tương đương. Vật liệu ngoài: Polypropylene hoặc tương đương Kích thước lỗ: ≤ 0.2µm. Chiều dài tối đa: ≤ 75mm. Đường kính quả lọc: ≤ 75mm. Tốc độ dòng: ≥ 9.5 lít/phút tại 3bar Diện tích lọc: ≥ 450 cm² Thời gian sử dụng: ≥ 30 ngày Cung cấp kèm đầu kết nối phù hợp với đầu vòi của bệnh viện
16	Bể đựng hóa chất nhuộm tiêu bản có nắp	Bể	12	Bể đựng hóa chất nhuộm tiêu bản có nắp
17	Bình dẫn lưu áp lực âm 125ml	Cái	26.400	Bình hút được làm bằng chất liệu PVC y tế mềm. trong suốt. được chia độ chi tiết. Dung tích khoảng 125ml. dây dẫn silicon khoảng 50cm
18	Bình làm ẩm oxy gắn với bình 10 lít	Cái	24	Bình làm ẩm oxy gắn với bình 10 lít, chất liệu thủy tinh hoặc nhựa hoặc tương đương
19	Bình nhựa có vòi loại 500ml	Cái	50	Bình nhựa có vòi dung tích khoảng 500ml
20	Bộ Cassette chứa thuốc cho bơm tiêm kiểm soát đau	Bộ	5.500	Thuốc được bảo quản an toàn bên trong cassette bởi cơ chế khóa cơ học- Túi đựng thuốc bên trong cassette được tiệt trùng, làm bằng nhựa PVC với DEHP hoặc tương đương. Dung tích khoảng 100ml. Có kẹp khóa để khóa dòng chảy thuốc. Van nối được dùng để bao phủ ngoài mối nối tránh rò rỉ thuốc
21	Bộ dây thở cho người bệnh thở máy dùng 1 lần	Bộ	44	Bộ dây thở cho người bệnh thở máy dùng 1 lần
22	Bộ dây thở dùng cho máy thở dạng 1 dây, 2 trong 1, dùng cho cả trẻ em và người lớn	Bộ	660	Bộ dây thở dùng cho máy thở dạng 1 dây, 2 trong 1, dùng cho cả trẻ em và người lớn
23	Bộ khăn chăm sóc vết thương hoặc đặt sonde tiểu (dùng trong gây mê)	Bộ	110	Thành phần bao gồm: 1. Gạc phẫu thuật không dệt: 8 lớp, kích thước 7,5cm x 7,5cm hoặc tương đương: 10 cái 2. Kẹp nhựa: 1 cái 3. Gel bôi trơn: ≥5g 4. Khăn trải bàn màu kích thước 70cm x 70cm hoặc tương đương: 01 cái Được làm từ màng CPE hoặc tương đương. 5. Khăn có lỗ kích thước 75cm x 90cm hoặc tương đương, 01 cái. Được làm từ bán thấm Semi-Hydrophylic hoặc tương đương. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EO-Gas.
24	Bộ khăn phẫu thuật tổng quát (dùng cho mổ	Bộ	660	Bộ khăn phẫu tổng quát, bao gồm: - 01 cái Khăn trải bàn dụng cụ kích thước khoảng

	nội soi)			165 x 200cm - 04 cái Khăn thấm kích thước khoảng 30 x 40cm: Chất liệu từ vải Spunlace thấm trắng hoặc tương đương, không gây kích ứng da và không gây độc tố. - 01 cái Băng keo OP kích thước khoảng 10 x 50cm: Không gây kích ứng da - 01 cái Khăn phủ dầu kích thước khoảng 160 x 250cm: Được cấu tạo từ vải không dệt 6 lớp SSMMMS hoặc tương đương, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Có vùng siêu thấm chịu được lực tách khô và tách ướt > 3N xung quanh phẫu trường. Có túi chứa dịch và tấm cố định ống dây. - 01 cái Khăn phủ chân kích thước khoảng 180 x 200cm: Được cấu tạo từ vải không dệt 6 lớp SSMMMS, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Có vùng siêu thấm chịu được lực tách khô và tách ướt > 3N xung quanh phẫu trường. Có túi chứa dịch và tấm cố định ống dây. - 02 cái Khăn phủ bên kích thước khoảng 80 x 90cm: Được cấu tạo từ vải không dệt 6 lớp SSMMMS, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Có vùng siêu thấm chịu được lực tách khô và tách ướt > 3N xung quanh phẫu trường. Có túi chứa dịch và tấm cố định ống dây.
25	Bộ khăn phẫu thuật tuyến giáp (dùng cho mổ mở)	Bộ	220	Bộ khăn phẫu tổng quát, bao gồm: - 01 Khăn trải bàn dụng cụ kích thước khoảng 165x200cm - 01 Khăn thấm kích thước khoảng 30 x 40cm: Chất liệu từ vải Spunlace thấm trắng. Không gây kích ứng da và không gây độc tố. - 01 Khăn phẫu thuật tuyến giáp kích thước khoảng 250 x 320cm được cấu tạo từ vải không dệt 6 lớp SSMMMS, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Có vùng siêu thấm chịu được lực tách khô và tách ướt > 3N xung quanh phẫu trường. Có túi chứa dịch và tấm cố định ống dây.
26	Bộ quả lọc máu liên tục cho người lớn	Bộ	112	Bộ quả lọc máu liên tục cho người lớn
27	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương cho người lớn	Bộ	44	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương cho người lớn
28	Bơm tiêm 1 ml	Cái	2.046	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml cỡ kim 26Gx1/2"; gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Bơm tiêm đạt khoảng chết ≤ 0,03 ml. Đạt tiêu chuẩn CE. Tháo được kim.
29	Bơm tiêm 10 ml	Cái	969.600	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn CE.
30	Bơm tiêm 20 ml	Cái	99.200	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G; 25G. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng; Bề mặt gioăng phẳng. Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995 và CE.
31	Bơm tiêm 5 ml	Cái	2.114.000	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng.Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995 và CE.
32	Bơm tiêm 50ml cho ăn	Cái	2.650	Bơm tiêm nhựa 50ml, đốc xi lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. Pít tông có khía bẻ gãy để

				hủy sau khi sử dụng.
33	Bơm tiêm chứa hoạt chất chống dính sau phẫu thuật 1,1ml	Ống tiêm	2.574	Dung tích ≥1.1ml/ống tiêm - Thành phần chính: Natri hyaluronat - Mục đích:sử dụng sau phẫu thuật để làm giảm sự kết dính của mô xung quanh phẫu trường. - Sản phẩm không có tính oxy hóa và độc tính
34	Bơm tiêm chứa hoạt chất chống dính sau phẫu thuật 2,5ml	Ống tiêm	110	Gel Natri hyaluronate được chứa sẵn trong bơm tiêm, dung tích ≥ 2,5ml, hàm lượng 10mg/ml, đóng gói bao bì y tế kháng vi sinh vật, kháng acid và kháng kiềm
35	Bơm tiêm chứa hoạt chất chống dính sau phẫu thuật 2ml	Ống tiêm	110	Gel Natri hyaluronate được chứa sẵn trong bơm tiêm, dung tích ≥2ml, hàm lượng 10mg/ml, đóng gói bao bì y tế kháng vi sinh vật, kháng acid và kháng kiềm
36	Bơm tiêm điện 50 ml	Cái	12.700	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50ml, đốc xi lanh nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Pít tông có khía bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995 và CE..
37	Bơm tiêm Insulin (các loại từ 0,3ml đến 1ml - 100 UI)	Cái	1.136.000	Bơm tiêm nhựa với kim tiêm. Vạch chia đơn vị đậm và rõ nét. Kim vát 3 mặt. Đường kính kim: 31G, đầu kim phủ silicone. Chiều dài kim khoảng 6 mm. Toàn bộ bơm kim tiêm được đóng gói riêng lẻ (cái/túi).
38	Bơm truyền dịch tự động có PCA (dùng 1 lần)	Cái	11.000	Bình chứa thuốc dung tích ≥100ml và ≤300ml. - Bộ điều chỉnh tốc độ: 2;4;6;8 ml/h, có khóa điều chỉnh; - Nút bấm PCA thiết kế đặc biệt, dễ sử dụng, liều tăng cường ≥1ml, thời gian khóa 15 phút - Cổng nạp thuốc nằm trên bộ dây, sử dụng van 1 chiều, chống chảy ngược thuốc ra ngoài - Bộ dây dài ≥110cm, có khóa kẹp - Bộ lọc khí 5 µm - Chất liệu làm bình chứa không có cao su thiên nhiên và DEHP
39	Bông tẩm cồn	Miếng	570.300	Bông dạng miếng có tẩm sẵn cồn, đóng gói 01 miếng/gói
40	Cán gương nha khoa	Cái	44	Cán gương inox bề mặt nhẵn
41	Canuyn mayer	Cái	600	Ống thông đường thở được làm từ nhựa cứng PE hoặc tương đương, không có độc tố, và không gây kích ứng. Đầu canuyn có màu sắc khác nhau giúp phân biệt các cỡ. Được tiệt trùng bằng khí ETO phù hợp với tiêu chuẩn ISO 11135:2007. Đạt tiêu chuẩn EC
42	Canuyn mở khí quản các số	Cái	66	Được làm bằng nhựa PVC không độc hoặc tương đương. Có bóng, cong 90 độ. Đầu valve có khóa. Đường mờ tia X chạy dọc chiều dài ống. Không có cao su. Đạt tiêu chuẩn EC
43	Cathete dẫn lưu màng phổi	Cái	25	Ống thông màng phổi kèm theo nòng Troca, đã tiệt trùng. Chất liệu PVC không có DEHP hoặc tương đương. Có các số: FG 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30, 32, 34, 36, 38, 40. Có một đầu thon dần giúp nối với bình hút dịch. Một đầu có đánh số từ mức 5, 10, 15, 20cm để xác định độ sâu của vị trí chọc tới. Đạt tiêu chuẩn EC .
44	Catheter 2 nòng (dùng cho thận nhân tạo)	Cái	280	Catheter chạy thận nhân tạo 2 nòng bao gồm phụ kiện và 02 bơm tiêm 5ml đi kèm. Cathter 12F, loại thẳng, G12/G12: 16cm hoặc

				20cm; chất liệu polyurethan hoặc tương đương có cản quang, có marker định vị. Dây dẫn: 0.038" dài 60cm chất liệu Nitinol hoặc tương đương, đầu J mềm dẻo, có khả năng dò điện cực để định vị bằng sóng ECG . Cây nong: 12.5F dài khoảng 14cm. Kim dẫn đường chữ Y: 18G dài khoảng 7cm. Đầu nối catheter có valve 2 chiều tránh nhiễm khuẩn Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn CE
45	Catheter 3 nòng	Cái	315	Bộ tiêm truyền tĩnh mạch trung tâm 3 nòng với đầy đủ phụ kiện và 2 bơm tiêm 5ml đi kèm. Catheter G16/G18/G18: 7F,15cm; chất liệu polyurethane hoặc tương đương có cản quang, có maker định vị. Dây dẫn Guidewire 0.035" dài khoảng 60cm, chất liệu Nitiol hoặc tương đương, đầu J mềm dẻo, linh hoạt, chống gẫy gập, có khả năng dò điện cực để định vị bằng sóng ECG. Cây nong: 8Fr dài khoảng 9cm. Kim dẫn đường thẳng: 18G dài khoảng 7cm Đầu nối catheter có valve 2 chiều tránh nhiễm khuẩn Tiệt trùng bằng khí EO.
46	Catheter mềm để bơm tinh trùng vào buồng tử cung	Cái	220	Catheter mềm để bơm tinh trùng vào buồng tử cung
47	Catheter niệu quản chuyên dùng cho tán sỏi qua đường hầm nhỏ size 6.0 dài 70cm	Cái	29	Catheter niệu quản chuyên dùng cho tán sỏi qua đường hầm nhỏ, vô trùng. Các cỡ: 6Fr, 7Fr; dài 70cm
48	Chai lọ thủy tinh nút mài nắp đậy tối màu loại 125ml	Chai	7	Chai lọ thủy tinh nút mài nắp đậy tối màu loại 125ml
49	Chất hàn răng Fuji IX lọ to 15g	Lọ	22	Chất hàn răng Fuji IX, Bao gồm: Powder 15g, Liquid 8g (6.4mL). Lọ tối thiểu 15g
50	Chỉ Chromic 2/0, W441 (hoặc tương đương)	Sợi	24	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 2/0 dài khoảng 75cm kim tròn 1/2C dài khoảng 26mm.
51	Chỉ Ethilon 3/0 W3328 không tiêu (hoặc tương đương)	Sợi	2.280	Chỉ phẫu thuật tổng hợp không tiêu tiệt trùng Ethilon 3/0, chỉ không tiêu đơn sợi Polyamide 6&66, dài khoảng 70cm, kim dài khoảng 26mm
52	Chỉ không tiêu Prolene 7/0 W8702 (hoặc tương đương)	Sợi	24	Chỉ phẫu thuật tổng hợp không tiêu vô trùng Prolene 7/0, thành phần Polypropylene, dài khoảng 60cm, 2 kim tròn, dài khoảng 9.3mm, độ cong của kim 3/8 vòng tròn
53	Chỉ phẫu thuật Vicryl Plus kháng khuẩn số 3/0 VCP316H hoặc tương đương	Sợi	35.640	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate hoặc tương đương, có chất kháng khuẩn Irgacare MP hoặc tương đương, số 3/0 dài khoảng 70cm, kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molypden và Ferric) hoặc tương đương, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, có phủ silicone cải tiến, dài khoảng 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày,

				25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.
54	Chỉ Prolene 4/0 (hoặc tương đương)	Sợi	336	Chỉ không tiêu đơn sợi Prolene số 4/0, thành phần Polypropylene. Đạt tiêu chuẩn CE
55	Chỉ Prolene số 5/0 (hoặc tương đương)	Sợi	348	Chỉ không tiêu đơn sợi Prolene số 5/0, thành phần Polypropylene, dài khoảng 90cm, 2 kim tròn, độ cong kim 1/2 vòng tròn
56	Chỉ thị hóa học đa thông số (Hấp ướt), sử dụng bên trong gói dụng cụ kích thước 5.1 cm x 1.9 cm hoặc tương đương	Miếng	45.000	Đo lường ba thông số của quá trình tiệt khuẩn (thời gian - nhiệt độ - áp suất hơi nước) có đạt yêu cầu hay không (thể hiện qua vạch chỉ thị hoá học). Dùng cho các chu trình tiệt khuẩn hơi nước. + Paper 75% + Salicylamide 2% - 3%. Tuân thủ ISO 11140. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA
57	Chỉ thị sinh học nhanh cho tiệt khuẩn hơi nước	Ống	550	Ống chỉ thị sinh học chứa bào tử Geobacillus Stearothermophilus x 10^6 . Dùng kiểm tra chất lượng tiệt khuẩn cho cả mẻ hấp – kiểm tra khối. Dùng với lò tiệt khuẩn hơi nước hỗ trợ hút chân không - chu trình 132°C - 135°C. Nhiệt độ ủ: 56°C ± 2°C. Thời gian đọc kết quả: khoảng 24 phút.
58	Chỉ tự tiêu tương đương Vicryl 3/0	Sợi	4.728	Chỉ tan tổng hợp đa sợi (Polyglactin 910) số 3/0, dài khoảng 75 cm, kim tròn 1/2c, dài khoảng 26 mm.
59	Chỉ tự tiêu tương đương Vicryl 6/0	Sợi	3.960	Chỉ tan tổng hợp đa sợi (Polyglactin 910) số 6/0 màu trắng, dài khoảng 45 cm, kim tròn 1/2c, dài khoảng 13 mm.
60	Chỉ tự tiêu Vicryl 2/0 W9121 hoặc tương đương	Sợi	60	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate hoặc tương đương, số 2/0 khoảng dài 75cm, kim tròn đầu hình thoi Plus, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác, bằng hợp kim thép Ethalloy có chứa (Niken, Titanium, Chromium, Molypden và Ferric) hoặc tương đương, giới hạn độ bền kéo > 2.750 MPa, có phủ silicone cải tiến, dài khoảng 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. Đạt tiêu chuẩn CE.
61	Chổi lông cọ rửa dụng cụ thủy tinh các cỡ	Cái	26	Chổi lông cọ rửa dụng cụ thủy tinh các cỡ
62	Chổi rửa dụng cụ nội soi các cỡ	Cái	110	Chổi rửa dụng cụ nội soi các cỡ, có thể dùng để vệ sinh dụng cụ nội soi hãng Karl Storz
63	Cốc giấy đựng nước tiểu 70ml	Cái	154.000	Cốc giấy đựng nước tiểu dung tích khoảng 70ml
64	Cốc giấy pha đường nghiệm pháp 500ml	Cái	4.650	Cốc giấy pha đường nghiệm pháp dung tích khoảng 500ml
65	Composite đặc màu A3 (dentin)	Tuýp	66	Composite đặc dùng để trám răng, màu A3
66	Composite đặc màu A3.5 (dentin)	Tuýp	66	Composite đặc dùng để trám răng, màu A3.5
67	Composite lỏng	Tuýp	11	Composite lỏng dạng bơm tiêm dùng trong nha khoa
68	Con sâu nối giữa máy	Cái	220	Dây nối giữa ống Nội khí quản và dây máy thở

	thở với ống nội khí quản			
69	Con sâu nối giữa sonde hút đờm và dây máy hút	Cái	66	Con sâu nối giữa sonde hút đờm và dây máy hút.
70	Cone giấy (15/40)	Hộp	22	Hộp cone giấy các size từ 15 - 40 dùng trong nha khoa. Tối thiểu 120 cây/hộp.
71	Cone GUTTA (15/40)	Hộp	11	Cone hàn ống tủy dùng trong nha khoa, các size từ 15-40 . Tối thiểu 120 cây/hộp.
72	Cone Gutta percha F1	Hộp	4	Cone gutta percha F1 dùng trong nha khoa, Tối thiểu 120 cây/hộp.
73	Cone Gutta percha F2	Hộp	4	Cone gutta percha F2 dùng trong nha khoa, Tối thiểu 120 cây/hộp.
74	Cưa dây (dây cưa xương)	Cái	29	Dây cưa xương
75	Đầu col có màng lọc 200 µl	Hộp	55	Đầu côn có lọc dung tích 200 µl. Tối thiểu 96 cái/hộp
76	Đầu Col Trắng 500-1500 µL (có khía)	Cái	21.500	Đầu côn trắng làm từ nhựa PP trong hoặc tương đương, không kim loại. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485; CE; Dung tích 500-1500 µL , có khía.
77	Đầu gắn file rung rửa nội nha E2	Chiếc	11	Đầu gắn file rung rửa nội nha E2
78	Đầu lấy cao răng siêu âm P1	Chiếc	11	Đầu lấy cao răng siêu âm P1 bằng thép không gỉ, đầu nhỏ đến vừa
79	Dây dao điện dùng 1 lần (Tay dao điện cao tần dùng 1 lần sử dụng cho dao mổ điện cao tần	Cái	220	Dây dao điện dùng 1 lần (Tay dao điện cao tần dùng 1 lần sử dụng cho dao mổ điện cao tần
80	Dây dao siêu âm (tay dao và đầu thử) dùng cho lưỡi dao mổ mở FCS9 - Máy cắt cầm máu siêu âm	Cái	99	Dây dao siêu âm HPBlue. Bộ phận chuyển đổi điện năng thành dao động cơ học, dùng cho mổ mở, tích hợp với máy GEN11
81	Dây garo cao su phẫu thuật	Cái	26	Dây cao su bản khoảng 7cm x 100cm, màu xanh.
82	Dây garo có khoá	Cái	590	Dây chun : độ rộng ≥1,8 cm, dài ≥38 cm, dây có khoá nhựa
83	Dây garo máu	Cái	2.460	Dây garo không phủ bột, có độ đàn hồi tốt.
84	Dây nối bơm tiêm điện các số	Chiếc	22.500	Dây nối bơm tiêm điện dài 75-150cmcm, đường kính trong khoảng 1mm, đường kính ngoài khoảng 2mm. Đầu nối vặn xoắn (khóa ren Luer lock) chống rò rỉ, khóa bảo vệ (cap connector). Chất liệu dây bằng PVC hoặc tương đương, không Latex, không DEHP, thay bằng DEHT an toàn. Chịu áp lực lên tới 3 bar. Có khoá áp lực dương chống trào ngược dịch, máu (Khóa bấm chặn dòng tức thì). Đạt tiêu chuẩn CE.
85	Dây nối giữa ống nội khí quản và dây máy thở	Cái	154	Dây nối giữa ống nội khí quản và dây máy thở
86	Dây Oxy gọng kính	Cái	4.786	Được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh hoặc tương đương.
87	Dây truyền dịch	Cái	670.500	Dây truyền dịch cơ bản kèm kim 21GX1.5" (kim

				không cánh bướm) Màng lọc dịch: ≤ 15µm. Có Màng lọc vi khuẩn tại cửa thông khí Có Khóa lăn chỉnh giọt. Có bầu cao su tiếp thuốc. Đầu nhọn kim chai ABS, dây chất liệu PVC y tế hoặc tương đương không sốt dài khoảng 150cm. Tiệt trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn CE.
88	Dây truyền máu	Cái	2.200	Bộ truyền máu 1 buồng. Màng lọc máu: ≤ 200µm. Dài khoảng 180cm, chất liệu PVC hoặc tương đương, không DEHP, thay bằng DEHT an toàn. Bầu tiêm thuốc không chứa Latex. Có Khóa ren kết nối, khóa lăn chỉnh giọt. Kim 18GX3.75cm. Mũi kim nhẵn bóng với lớp vỏ Silicon dầu hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn CE
89	Điện cực tim	Cái	117.800	Kích thước 3,7cm x 3,3cm hoặc tương đương. Nền xốp và gel dính với keo Acrylate. Thiết kế hình chữ nhật. Nút điện cực bằng vật liệu thép không gỉ, dẫn truyền tín hiệu tốt. Đạt tiêu chuẩn FDA.
90	Dụng cụ cắt, đốt trong mổ tiền liệt tuyến, dùng cho máy nội soi hãng karl Storz	Cái	48	Dụng cụ cắt, đốt trong mổ tiền liệt tuyến nội soi mã 27050G 24CH hoặc tương đương, sử dụng cho hệ thống phẫu thuật nội soi hãng Karl Storz
91	Dung dịch xịt dùng ngoài điều trị phòng ngừa loét do tỳ đè các loại (Sanyrene 20ml hoặc tương đương)	Chai	220	Dung dịch xịt dùng ngoài điều trị phòng ngừa loét do tỳ đè các loại (Sanyrene 20ml hoặc tương đương)
92	File rung rửa nội nha U-File số 20	Vỉ	4	File rung rửa nội nha U-File số 20
93	File rung rửa nội nha U-File số 25	Vỉ	4	File rung rửa nội nha U-File số 25
94	Gạc cầu Fi 30x1 lớp, vô trùng	Cái	372.000	Kích thước fi 30x1lớp. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas; Sản xuất từ nguyên liệu gạc hút nước 100% cotton. Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; Không có tinh bột hoặc Dextrin;
95	Gạc có nano bạc 10x15cm	Miếng	50	Gạc có nano bạc kích thước 10x15cm hoặc tương đương
96	Gạc có nano bạc 35x40cm	Miếng	45	Gạc có nano bạc 35x40cm hoặc tương đương
97	Gạc lưới tẩm Nano-Oligo (hoặc tương đương), kích thước 10cm x10cm	Miếng	1.760	Cấu tạo: lưới polyester tẩm polymer Nano-Oligo (hoặc tương đương) không dính. Hàm lượng NOSF: 0.81 – 1.29 mg/cm2 (1.05 ± 0.24 mg/cm2). Kích thước 10x10 cm hoặc tương đương
98	Gạc meche PT 3,5 x 7,5 cm x 6 lớp vô trùng	Gói	264	Nguyên liệu vải dệt hút nước 100% cotton. Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên. Tốc độ hút nước <8s. Không có tinh bột hoặc Dextrin. Kích thước 3.5cm x 7.5cm x 6 lớp hoặc tương đương. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas. Gói tối thiểu 3 cái
99	Gạc phẫu thuật 7x11cmx12 lớp vô trùng	Cái	2.286.000	Sản xuất từ nguyên liệu gạc hút nước 100% cotton. Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; Độ ẩm: <8%; Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; Không có tinh bột hoặc Dextrin; Các chất tan trong nước: 0,5% ; Trọng lượng: 23g/m2. Kích thước 7cm x 11cm x 12 lớp

				hoặc tương đương. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas
100	Gạc phẫu thuật không dệt 7,5cm x7,5cm x 6 lớp vô trùng	Cái	420.000	Kích thước 7,5 x7,5cm x 6 lớp hoặc tương đương. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas; Làm bằng gạc hút nước không dệt, không có hóa chất tẩy trắng; Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; Không có tinh bột hoặc Dextrin.
101	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30cm x 40cm x 6 lớp vô trùng	Gói	2.156	Kích thước 30 x 40cm x 6 lớp hoặc tương đương. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas; Sản xuất từ nguyên liệu gạc hút nước 100% cotton. Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; Không có tinh bột hoặc Dextrin. Gói tối thiểu 2 cái
102	Gạc thận nhân tạo 3,5x 4,5cm x 80 lớp vô trùng	Cái	123.200	Sản xuất từ nguyên liệu gạc hút nước 100% cotton. Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; Độ ẩm: <8%; Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; Không có tinh bột hoặc Dextrin; Kích thước 3.5cm x 4.5cm x 80 lớp hoặc tương đương. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas
103	Găng tay vô trùng (loại có bột tan)	Đôi	224.850	Nguyên liệu 100% cao su tự nhiên, có bột. Đã tiệt trùng. Độ dài ≥ 280 mm. Độ rộng lòng bàn tay các cỡ khoảng từ 71± 5 ÷ 115 ± 6mm. Đạt tiêu chuẩn EC
104	Gel bôi trơn K.Y hoặc tương đương	Tuýp	1.350	Gel bôi trơn tan trong nước, đã được tiệt trùng, dùng cho thăm khám nội soi dạ dày, đại tràng.
105	Gel có nano bạc, tuýp 20g hoặc tương đương	Tuýp	22	Gel có nano bạc, tuýp 20g hoặc tương đương
106	Gel siêu âm	Can	801	Gel sử dụng trong siêu âm, không có formaldehyde, Vô khuẩn, không phát hiện vi khuẩn Staphyloccus, Pseudomonas aeruginosa, Tổng số vi sinh vật hiếu khí <10 CFU/g, tổng số nấm <10 CFU/g. Không gây mẩn cảm hoặc rát da, gel trong, tan hoàn toàn trong nước, độ PH trong khoảng 6.5-7.5. Can tối thiểu 5 lit
107	Giá inox (inox SU 304 hoặc tương đương) cắm ống đựng nước tiểu	Cái	24	Chất liệu Inox SU304 hoặc tương đương, có ≥ 20 lỗ cắm ống đựng nước tiểu
108	Giấy điện tim 6 cần	Tập	11.900	Kích thước: 110mm x 140mm x 143 tờ. Sử dụng cho máy điện tim 6 cần của hãng Nihon Kohden.
109	Giấy in ảnh A4	Tập	2.000	Chất liệu giấy bóng 1 mặt, kích thước 210 x 297mm (khổ giấy A4), Tập tối thiểu 100 tờ
110	Giấy in ảnh siêu âm đen trắng dùng cho máy in Sony	Cuộn	11.330	Kích thước: 110mm X 20m dùng cho máy in Sony UP-X898MD.
111	Giấy in ảnh siêu âm sử dụng cho máy in Canon	Hộp	1.100	Mỗi hộp có > 100 tờ giấy in, khổ 100mm x 148mm và 3 khay mực in, thích hợp cho máy in ảnh Canon.
112	Giấy lau kính hiển vi	Hộp	92	Giấy lau kính hiển vi kích thước 11 x 21 cm hoặc tương đương. Hộp tối thiểu 250 tờ
113	Gối kê tay	Cái	220	Gối kê tay dùng khi lấy máu hoặc đo huyết áp, chất liệu bằng vải hoặc tương đương
114	Hộp đựng bông cồn f10	Cái	152	Chất liệu Inox SU304 hoặc tương đương, đường kính khoảng 10cm, có nắp

115	Hộp đựng vật sắc nhọn	Cái	33.100	Chất liệu: Giấy Duplex kháng thủng hoặc tương đương. Màu sắc: Màu Vàng Y tế. Kích thước 150 x 120 x 270mm hoặc tương đương. Dung tích khoảng 5L
116	Hộp hấp f36	Cái	30	Hộp hấp chất liệu thép không gỉ, đường kính khoảng 36cm
117	Huyết áp + ống nghe	Bộ	220	Bộ huyết áp và ống nghe
118	Keo dán composite	Lọ	44	Keo dán composite dùng trong nha khoa, loại 3in1 (tích hợp cả etching và bond)
119	Keo dán da sau mổ	Ống	722	Keo dán da thành phần 2-octyl cyanoacrylate. Ống tối thiểu 0,5ml.
120	Kéo nhỏ cong 10cm	Cái	11	Kéo chất liệu thép không gỉ, cong, dài khoảng 10cm.
121	Kéo thẳng nhọn 12 cm	Cái	46	Kéo chất liệu thép không gỉ, thẳng, nhọn dài khoảng 12cm.
122	Kéo thẳng nhọn 20 cm	Cái	25	Kéo chất liệu thép không gỉ, thẳng, nhọn dài khoảng 20cm.
123	Kẹp cổ tử cung	Cái	44	Kẹp cổ tử cung
124	Khẩu trang dùng trong y tế, 3 lớp	Cái	1.022.500	Khẩu trang giấy 3 lớp dùng trong y tế. Đạt tiêu chuẩn TCVN 8389-1:2010;
125	Khẩu trang phẫu thuật viên buộc dây	Cái	19.800	Vô trùng 1cái/1 túi, có dây buộc; Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas.
126	Khẩu trang phẫu thuật viên móc tai	Cái	53.000	Vô trùng 1cái/1 túi, có dây chun; Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas.
127	Khay inox (20x30 cm)	Cái	88	Chất liệu thép không gỉ, kích thước 20cmX30cm hoặc tương đương
128	Khay quả đậu inox	Cái	75	Khay quả đậu chất liệu thép không gỉ
129	Kim bấm lấy máu Accu-Chek Safe T Pro Uno hoặc tương đương	Cái	75.800	Thiết bị lấy máu vô trùng, dùng một lần, thiết kế hình chữ T
130	Kim cánh bướm	Cái	536.400	Đầu kim sắc nhọn, vát cạnh, có nắp đậy, cánh nhựa mềm gập linh hoạt; Toàn bộ được xử lý tiệt trùng và đóng gói trong túi nhựa.
131	Kim châm cứu	Cái	1.440.000	Kim làm bằng thép dùng trong y tế, không gỉ, vô trùng dạng vỉ. Đầu kim được mài sắc, đánh bóng. Kim nhỏ, đầu kim sắc nhọn. Kích thước : 0,3 x 75 mm; 0,25 x 25 mm.Đạt tiêu chuẩn CE.
132	Kim chọc dò dịch não tủy	Cái	22	Kim chọc dò dịch não tủy
133	Kim chọc dò tủy sống các số (18G đến 25G)	Cái	750	Kim chọc dò và gây tê tuỷ sống dài khoảng 90cm, có trục kim và đốc kim chất liệu Polypropylene hoặc tương đương, đầu nối kim vào đốc kim chất liệu Epoxy resin hoặc tương đương. Kim và nòng: chất liệu thép không gỉ.
134	Kim gây tê nha khoa Terumo hoặc tương đương	Hộp	11	Kim gây tê dùng trong nha khoa. Mặt kim vát và sắc bén, giảm thiểu chấn thương. Hộp tối thiểu 100 kim
135	Kìm kẹp săng	Cái	55	Kìm kẹp săng chất liệu thép không gỉ.
136	Kim luồn các số	Cái	88.900	Kim luồn tĩnh mạch không cánh, không cổng, catheter chất liệu Polyurethan Vialon hoặc tương đương có khả năng chống gập xoắn, giảm tỉ lệ viêm tĩnh mạch đến 50%, giảm biến chứng thoát mạch đến 18% (có tài liệu nghiên cứu chứng minh). Thời gian lưu kim: ≥ 95 giờ.

				Có đường cản quang chạy dọc catheter. Kim luồn tương thích với tiêm truyền áp lực cao lên đến 300PSI. Kim có các cỡ: - Cỡ 18G: đường kính ngoài: 1.3 mm, chiều dài: 30mm. - Cỡ 18G: đường kính ngoài: 1.3 mm, chiều dài: 48mm. - Cỡ 20G: đường kính ngoài: 1.1 mm, chiều dài: 30mm. - Cỡ 20G:đường kính ngoài: 1.1 mm, chiều dài: 48mm. - Cỡ 22G: đường kính ngoài: 0.9 mm, chiều dài: 25mm. - Cỡ 24G: đường kính ngoài: 0.7 mm, chiều dài: 19mm. Đã được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn: CE, FDA.
137	Kìm mang kim	Cái	42	Chất liệu thép không gỉ
138	Kim tiêm các số (G18, G20, G22)	Cái	781.500	Kim các số, Vỉ đựng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim.
139	Kính bảo hộ	Cái	62	Kính bảo hộ bằng nhựa hoặc tương đương
140	Lưỡi dao cắt tiêu bản	Cái	11.650	Hộp 50 lưỡi loại low profile làm bằng thép không gỉ với lưỡi cắt cứng và lớp phủ plasma hoặc tương đương. Dùng được cho cả mô cứng trên máy cắt trượt và quay tay.
141	Lưỡi dao siêu âm mổ mở dùng cho Máy cắt cầm máu siêu âm	Cái	660	Lưỡi dao siêu âm mổ mở HAR9F hoặc tương đương, có tích hợp công nghệ thích ứng mô. Khả năng hàn mạch máu tới 5mm. Dùng cho máy GEN11. Hộp tối thiểu 6 cái
142	Lưỡi dao siêu âm mổ nội soi dùng cho Máy cắt cầm máu siêu âm	Cái	84	Lưỡi dao siêu âm mổ nội soi HAR36 hoặc tương đương, có tích hợp công nghệ thích ứng mô, chiều dài cán 36cm, đường kính 5mm. Dùng cho máy GEN11. Hộp tối thiểu 6 cái
143	Mask khí dung	Cái	2.343	Các cỡ M,L,XL. Dây dẫn chính có chiều dài khoảng 2 m.
144	Mask thở Oxy kèm dây dẫn	Cái	121	Chất liệu PVC, mềm hoặc tương đương, trong suốt, dây không bị vặn xoắn
145	Mask thở Oxy kèm túi	Cái	1.472	Sản phẩm làm từ nhựa PVC trong suốt hoặc tương đương. Nẹp mũi có thể điều chỉnh. Thông khí an toàn giúp cho sự thoải mái không khí trong mác chụp. Khóa xoay điều chỉnh làm cho phù hợp với vị trí của bệnh nhân. Van kiểm tra điện trở thấp không chứa cao su tự nhiên, ngăn chặn việc thở lại và cho phép khí thở ra thoát ra ngoài.
146	Mặt gương nha khoa	Cái	444	Mặt gương nha khoa loại không gỉ, mặt gương sáng bóng
147	Mẫu sinh học cho máy hấp dụng cụ Sterrad 100S	Hộp	2	Mẫu sinh học cho máy hấp dụng cụ Sterrad 100S
148	Miếng cầm máu mũi (Merocell hoặc tương đương)	Miếng	22	Miếng cầm máu mũi (Merocell hoặc tương đương)
149	Miếng xốp bảo vệ bệnh phẩm sinh thiết nhỏ trong casettes (Biopsy	Cái	4.400	Miếng xốp bảo vệ bệnh phẩm sinh thiết nhỏ trong casettes (Biopsy Pad blue for casettes)

	Pad blue for casettes)			
150	Mũ giấy	Cái	109.600	Nguyên liệu: vải không dệt không thấm và dây thun đôi. Kích thước mũ con sâu: Rộng 2,2 ÷ 2,5cm, dài 20÷21cm. Vải không dệt chất liệu 100%PP hoặc tương đương. Không hút nước. Dây thun đôi: Chất liệu: latex hoặc tương đương, bảng rộng khoảng 4mm.
151	Mũ giấy đã tiệt trùng	Cái	55.600	Nguyên liệu: vải không dệt không thấm và dây thun đôi. Kích thước mũ con sâu: Rộng 2,2 ÷ 2,5cm, dài 20÷21cm. Vải không dệt, chất liệu 100%PP hoặc tương đương. Không hút nước. Dây thun đôi: Chất liệu: latex hoặc tương đương, bảng rộng khoảng 4mm. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas.
152	Mũi dũa tủy H-Files 21mm #15-40	Vỉ	11	Mũi dũa tủy H-Files 21mm #15-40
153	Mũi khoan cắt xương	Cái	11	Mũi khoan cắt xương dùng trong nha khoa, chiều dài 25-28mm, chất liệu Tungsten Carbide hoặc tương đương
154	Mũi khoan đá mịn hoàn tất CR-12, CR-21 hoặc tương đương	Cái	44	Mũi khoan đá mịn hoàn tất CR-12, CR-21 hoặc tương đương
155	Mũi khoan kim cương mịn TR21-21SF (mũi màu vàng) hoặc tương đương	Cái	66	Mũi khoan kim cương mịn TR21-21SF (mũi màu vàng) hoặc tương đương
156	Mũi khoan kim cương ngọn lửa F0-21 hoặc tương đương	Cái	66	Mũi khoan kim cương ngọn lửa F0-21 hoặc tương đương
157	Mũi khoan kim cương quả trám EX-12 hoặc tương đương	Cái	22	Mũi khoan kim cương quả trám EX-12 hoặc tương đương
158	Mũi khoan kim cương tròn nhỏ BC-31 hoặc tương đương	Cái	44	Mũi khoan kim cương tròn nhỏ BC-31 hoặc tương đương
159	Mũi khoan kim cương tròn to BR-31 hoặc tương đương	Cái	44	Mũi khoan kim cương tròn to BR-31 hoặc tương đương
160	Mũi khoan kim cương trụ đầu tròn SR-11, SR-12 hoặc tương đương	Cái	66	Mũi khoan kim cương trụ đầu tròn SR-11, SR-12 hoặc tương đương
161	Mũi khoan kim cương trụ ngắn SF-12 hoặc tương đương	Cái	44	Mũi khoan kim cương trụ ngắn SF-12 hoặc tương đương
162	Mũi nong tủy K-Files 21mm #15-40	Vỉ	11	Mũi nong tủy K-Files 21mm #15-40
163	Ống Facol 50ml	Cái	1.100	Chất liệu nhựa PP/PE hoặc tương đương. Đóng gói tiệt trùng riêng biệt. Độ dày ≥1mm. Dung tích khoảng 50ml.
164	Ống hút nước bọt	Túi	44	Ống hút nước bọt loại trong suốt. Túi tối thiểu 100 ống
165	Ống Natricitrat 3,2% (Trisodium Citrate 3,2%)	Cái	91.200	Ống nghiệm Citrate 3,2% kích thước khoảng 12x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc hoặc tương đương. Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.2%, thể tích vừa đủ kháng đông cho 2ml máu.

166	Ống nghiệm chống đông Heparin	Cái	1.456.800	Kích thước ống khoảng 12x75mm. Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP hoặc tương đương, nắp bằng nhựa mầu đen, nhãn màu đen, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm ≥ 6000 vòng/phút trong thời gian ≥ 5 phút. Hóa chất bên trong là hóa chất chống đông Lithium Heparin dưới dạng hạt sương.
167	Ống nghiệm EDTA K2 (nút cao su tím)	Cái	1.170.000	Ống lấy máu chân không dạng vacutainer vô trùng. Chất liệu PET hoặc tương đương. Hoá chất bên trong: khoảng 3.6mg EDTA K2 dạng phun khô. Thể tích 2ml, kích thước ống khoảng 13x75mm. Có ký hiệu V giúp hỗ trợ định hướng vị trí dán nhãn phụ. Nắp thiết kế hai lớp, không có latex. Vô khuẩn bằng phương pháp chiếu xạ. Tiêu chuẩn chất lượng FDA, CE,
168	Ống nghiệm EDTA K2 (nút cao su xanh)	Cái	518.400	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET hoặc tương đương. Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông EDTA K2 dưới dạng hạt sương, Kích thước ống khoảng 13x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu tím.
169	Ống nghiệm serum nắp đỏ	Cái	206.400	Kích thước khoảng 12x75 mm. Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP hoặc tương đương, nắp bằng nhựa mầu đỏ, nhãn màu đỏ, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm ≥ 6000 vòng/phút trong thời gian ≥ 5 phút. Bên trong chứa các hạt nhựa.
170	Ống nhựa 10 ml loại có nắp	Cái	624.000	Ống nhựa 10 ml, loại có nắp đậy sẵn. Chất liệu : được ép bằng nhựa PS hoặc tương đương, không lẫn tạp chất.
171	Ống nhựa 5 ml	Cái	29.320	Ống nhựa 5ml
172	Ống nội khí quản các số	Cái	30.800	Chất liệu ống PVC. Bóng Hi-Lo có thể tích lớn, áp lực nhỏ. Hai vạch đánh dấu phía trên bóng chèn để hỗ trợ định vị ống an toàn. Có các loại ống 3-8mm : Đường kính ngoài 4,2-10,9mm; Đường kính bóng 8-27mm; Chiều dài 160-320mm.
173	Ống nội khí quản hút trên cuff (HI-10 EVAC)	Cái	132	Chất liệu từ vật liệu PVC y tế hoặc tương đương. Sử dụng một lần, các cỡ.
174	Ống thủy tinh chia vạch loại 25ml	Ống	4	Ống thủy tinh chia vạch loại 25ml
175	Ống thủy tinh chia vạch loại 50ml	Ống	4	Ống thủy tinh chia vạch loại 50ml
176	Pank không mấu thẳng 10 cm	Cái	44	Chất liệu thép không gỉ, thẳng, không mấu mấu dài khoảng 10cm
177	Phim khô laser 14x17 inch (dùng cho chụp CT Scanner) sử dụng cho máy in Trimax	Hộp	288	Phim khô laser kích cỡ (35x43CM) 14x17". Phim được phủ màu xanh, hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester. Tương thích với máy in Trimax. Hộp tối thiểu 125 tờ
178	Phim X quang 20x25 cm (phim nhiệt) sử dụng cho máy in Fuji	Hộp	1.650	Phim X quang 20x25 cm (phim nhiệt) sử dụng cho máy in Fuji. Hộp tối thiểu 100 tờ
179	Phim Xquang 8x10 inch (phim khô laser) sử dụng cho máy in Trimax	Hộp	220	Phim khô laser kích cỡ (20x25CM) 8x10". Phim được phủ màu xanh, hỗ trợ lớp nền 7-mil polyester. Tương thích với máy in Trimax. Hộp tối thiểu 125 tờ

180	Phin lọc khuẩn máy gây mê	Cái	18.850	Lọc khuẩn và virus. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.
181	Phin lọc máy hút của máy nội soi	Cái	66	Phin lọc máy hút của máy nội soi
182	Pin AA 1,5V	Đôi	6.314	Pin AA điện áp 1,5V loại Alkaline
183	Pin AAA 1,5V	Đôi	2.211	Pin AAA điện áp 1,5V loại Alkaline
184	Pin C	Đôi	15	Pin C điện áp 1,5V loại Alkaline
185	Pin vuông 9V	Viên	110	Pin vuông điện áp 9V loại Alkaline
186	Pipet thủy tinh 1 ml	Cái	7	Pipet thẳng, thủy tinh 1 ml
187	Pipet thủy tinh 10ml (loại bầu)	Cái	7	Pipet bầu, thủy tinh 10 ml
188	Pipet thủy tinh 2 ml	Cái	7	Pipet thẳng, thủy tinh 2 ml
189	Pipet thủy tinh 3ml	Cái	7	Pipet thẳng, thủy tinh 3ml
190	Pipet thủy tinh 5ml	Cái	7	Pipet thẳng, thủy tinh 5ml
191	Pipette đơn kênh thể tích cố định 5000 µL	Cái	4	Pipette đơn kênh thể tích cố định 5000 µL
192	Protaper tay file dẻo Densly hoặc tương đương	Hộp	4	Protaper tay file dẻo Densly hoặc tương đương, dùng trong nha khoa
193	Que chỉ thị hóa học dùng cho Máy hấp tiệt trùng STERRAD 100S	Hộp	20	Que thử có chỉ thị hóa học nhận dạng H2O2, chuyển từ đỏ sang vàng, màu biểu thị trên thanh đối chứng (hoặc sáng hơn) khi tiếp xúc vưới H2O2. Tương thích với các dòng máy tiệt khuẩn STERRAD. Đạt tiêu chuẩn: EC, ISO, CFG do FDA cấp.
194	Que thử độ cứng của nước RO	Que	830	Dùng để kiểm tra độ cứng của nước R.O. Kiểm tra nước với các nồng độ: 0, 10, 25, 50 và 120ppm. Không sử dụng để kiểm tra nước có độ cứng > 120 ppm. Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 10 giây
195	Que thử đường huyết loại 1	Que	462.000	Đo được các mẫu máu : Mao mạch, tĩnh mạch, động mạch Phạm vi đo : ≤0,6 đến ≥33,3 mmol/L Dải đo Hematocrit: ≤10 đến ≥65 % Sử dụng men thử FAD GDH Thời gian đo : ≤ 5s Mẫu lấy máu : ≤ 0,6µl
196	Que thử đường huyết loại 2	Que	462.000	Đo được các mẫu máu : Mao mạch, tĩnh mạch Phạm vi đo : ≤1,1 đến ≥33,3 mmol/L Dải đo Hematocrit: ≤20 đến ≥60 % Sử dụng men thử FAD GDH hoặc GOD POD Thời gian đo : ≤ 9s Mẫu lấy máu : ≤ 0,8µl
197	Que thử đường huyết và kim chích máu	Que	462.000	Đo được các mẫu máu : Mao mạch, tĩnh mạch, động mạch Phạm vi đo : ≤1,1 đến ≥ 33,3 mmol/L Dải đo Hematocrit: ≤10 đến ≥ 70 % Sử dụng men thử FAD GDH Thời gian đo : ≤ 5s Mẫu lấy máu : ≤ 1,1µl Có bút gắn kim và kim chích máu kèm theo
198	Rọ lấy sỏi (Basket) 4 cánh, dài 90cm	Cái	11	Các cỡ: 3.0 Fr, dài khoảng 90cm. Loại 4 cành, đầu xoắn
199	Rọ lấy sỏi (dùng tán sỏi thận bằng ống mềm) các cỡ: 1,8 FR loại 4 cánh	Cái	11	Các cỡ: 1.8 Fr, 2.2 Fr, dài khoảng 120cm. Loại 4 cành, đầu tròn

200	Sonde dạ dầy các số	Cái	2.000	Các cỡ 5, 6,8,10,12,14,16,18. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh hoặc tương đương
201	Sonde JJ	Cái	220	Thành phần gồm: 1 xông JJ kèm dây rút; 01 que đẩy; 01 kẹp. Đóng gói tiệt trùng đơn chiếc.
202	Sonde polây 2 nhánh số các số	Cái	1.110	Chất liệu cao su tự nhiên phủ silicon hoặc tương đương. Có các cỡ 12-26Fr/ch. Chiều dài 390± 10mm. Thể tích bóng chèn: 30cc. Đóng gói 10 cái/hộp. Có chất siêu bôi trơn giúp giảm đau và kích ứng niệu đạo cho Bệnh nhân. Van mềm.
203	Tăm bông bôi bond	Lọ	66	Tăm bông loại fine (màu xanh da trời). Lọ tối thiểu 100 cái.
204	Tăm bông vô khuẩn	Cái	44.000	Tăm bông vô khuẩn làm từ 100% cotton tự nhiên. Đóng gói tối thiểu 20 cái/túi
205	Tấm dán sau phẫu thuật 15,5x8,5cm hoặc tương đương	Cái	24.200	Là tấm dán có 2 lớp: 1 lớp bông gạc, 1 lớp film ngăn ngừa nước và vi khuẩn xâm nhập. Kích thước 15,5x8,5cm hoặc tương đương
206	Tấm dán sau phẫu thuật 7cmx5cm hoặc tương đương	Miếng	8.600	Thành phần: Giấy lót: 40 - 50%, Viền giấy: 20-25%, Gạc : 15-25%, Băng film Polyurethane: <5%, Keo Acrylate: 10-15% hoặc tương đương. Đóng gói vô khuẩn riêng từng miếng, bao bì plastic. Gạc màu trắng, sợi vải không dệt, thấm hút tốt, không dính vào vết thương. Lớp film Polyurethane trong suốt chống thấm nước, vi khuẩn và virus xâm nhập. Chất keo Acrylate ít gây dị ứng cho da và độ dính tốt, không bám quá chặt, không sót keo khi tháo băng. Góc vạt tròn khó bong tróc. Kích thước 7cm X 5cm hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn CE, FDA.
207	Tấm dán trước phẫu thuật 15x28cm, hoặc tương đương	Cái	17.000	Là tấm dán trong suốt, ngăn ngừa nước và vi khuẩn xâm nhập
208	Tấm lưới Hydro gel công nghệ vật lý Sorbact với màng xanh DACC kháng khuẩn 7,5cmX15cm hoặc tương đương	Cái	220	Tấm lưới Hydro gel công nghệ vật lý Sorbact với màng xanh DACC kháng khuẩn 7,5cmX15cm hoặc tương đương
209	Tấm thử cảnh bảo sớm chất lượng lò hấp nhiệt độ cao	Gói	2.640	Gói chuẩn, chứa test Bowie-Dick và tờ cảnh báo sớm cho lò tiệt khuẩn, không chứa chì (Lead Free). Xác đinh chất lượng lò hấp có đạt hay không: + Khả năng hút chân không có đạt không + Không khí lạnh bên ngoài có rò rỉ vào lò không + Khả năng xuyên thấu của hơi nước vào gói đồ. Tờ cảnh báo giúp phát hiện sớm nguy cơ hỏng hóc của lò tiệt khuẩn. Dùng cho lò hơi nước hút chân không - chu trình tiệt khuẩn 132°C - 134°C. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA.
210	Tay dao hàn mạch kèm cắt dùng trong phẫu thuật nội soi cỡ 5mm, dài 37cm hoặc tương đương. Hàm phủ nano chống dính	Cái	22	Tay dao hàn mạch kèm cắt dùng trong phẫu thuật nội soi cỡ 5mm, dài 37cm hoặc tương đương. Hàm phủ nano chống dính
211	Tay dao hàn mạch máu kèm cắt dạng kéo. Hàm phủ nano chống dính	Cái	22	Tay dao hàn mạch máu kèm cắt dạng kéo. Hàm phủ nano chống dính
212	Test thử HP (Ureatest)	Hộp	220	Dùng để phát hiện vi khuẩn HP trong dạ dầy. Hộp

				tối thiểu 50 ống
213	Test thử HP qua hơi thở	Test	1.100	Hộp bao gồm 40 viên thuốc và 40 thẻ thu mẫu. Sử dụng tương thích với Máy chẩn đoán nhiễm khuẩn Helicobacter Pylori 14C
214	Thám châm nha khoa	Cái	44	Thám châm inox bề mặt nhẵn
215	Thẻ xét nghiệm khí máu dùng cho máy EPOC	Hộp	55	Thẻ xét nghiệm khí máu dùng cho máy EPOC.
216	Trâm gai 21mm #1-6	Vỉ	11	Bộ trâm gai lấy tủy đủ size 1-6, sử dụng trong nha khoa, chiều dài 21mm. Vỉ tối thiểu 5 cái
217	Troca nhựa (cỡ 5+11mm)	Bộ	66	Trocar nội soi nhựa, không dao, đầu trong suốt, đường kính 5mm, 11mm, 12mm, thân dài khoảng 100mm, thân ngoài có rãnh cố định. Van giữ khí 4 mảnh. Đường vào hình phễu có khóa giữ camera
218	Túi đựng dịch thải 5L	Cái	440	Túi đựng dịch thải 5L
219	Túi đựng dụng cụ y tế dạng phồng 30cm X 200m	Cuộn	22	Túi đựng dụng cụ y tế dạng phồng tiệt trùng, kích thước 30cm X 200m hoặc tương đương
220	Túi đựng dụng cụ y tế dạng phồng 40cm X 200m	Cuộn	22	Túi đựng dụng cụ y tế dạng phồng tiệt trùng, kích thước 40cm X 200m hoặc tương đương
221	Túi đựng nước tiểu có móc treo	Cái	900	Túi nước tiểu hình chữ nhật chất liệu PVC không độc hoặc tương đương, có dung tích khoảng 2000ml, có thước đo dung tích và bảng ghi thông tin bệnh nhân trên túi, Valve chống trào ngược tránh nhiễm khuẩn ngược dòng. Túi nước tiểu được xử lý bằng công nghệ hàn kép kín (đảm bảo 100% chống rò rỉ).Van ngang xả đáy kiểu chữ T.
222	Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn (150mm X 70m) với chỉ thị hóa học, dùng cho Máy hấp tiệt trùng STERRAD 100S	Cuộn	22	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiệt khuẩn dùng cho máy STERRAD 100S, được thiết kế giúp duy trì tính vô khuẩn vủa dụng cụ sau khi tiệt khuẩn. Lớp Tyvek: Cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 4057B, giúp H2O2 thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ. Lớp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H2O2 không thẩm thấu vào bằng mặt này. Có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang vàng. Tương thích với hệ thống tiệt khuẩn STERRAD. Rộng: 150mm, dài 70m. Đạt tiêu chuẩn: EC, ISO 13485, CFG do FDA cấp.
223	Túi ép đựng dụng cụ tiệt khuẩn (350mm X 70m) với chỉ thị hóa học, dùng cho Máy hấp tiệt trùng STERRAD 100S	Cuộn	77	Cuộn giấy đựng dụng cụ tiệt khuẩn dùng cho máy STERRAD 100S, được thiết kế giúp duy trì tính vô khuẩn vủa dụng cụ sau khi tiệt khuẩn. Lớp Tyvek: Cấu tạo bằng vật liệu Tyvek 4057B hoặc tương đương, giúp H2O2 thẩm thấu để diệt khuẩn cho dụng cụ. Lớp trong suốt giúp quan sát được dụng cụ bên trong, H2O2 không thẩm thấu vào bằng mặt này. Có chỉ thị hóa học chuyển từ đỏ sang vàng. Tương thích với hệ thống tiệt khuẩn STERRAD. Rộng: 350mm, dài 70m. Đạt tiêu chuẩn: EC, ISO 13485, CFG do FDA cấp.
224	Túi ép đựng dụng cụ y tế (20cm X 200m)	Cuộn	11	Túi ép đựng dụng cụ y tế (20cm X 200m) hoặc tương đương
225	Túi ép đựng dụng cụ y tế (30cm X 200m)	Cuộn	30	Túi ép đựng dụng cụ y tế (30cm X 200m) hoặc tương đương
226	Túi ép đựng dụng cụ y tế (7.5cm X 200m)	Cuộn	11	Túi ép đựng dụng cụ y tế (7.5cm X 200m) hoặc tương đương

227	Túi nilon đựng Camera	Cái	7.500	Túi camera, chất liệu nylon. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas.
228	Túi zip bạc đựng bệnh phẩm (size:15x22 cm)	Kg	33	Túi zipper một mặt bạc, một mặt trong kích thước khoảng 15x22 cm
229	Xy lanh bơm tiêm thuốc cản quang	Cái	220	Xy lanh dung tích khoảng 190ml, kèm dây dài khoảng 150cm, kèm ống hút thuốc. Áp suất ≥350psi. Dùng cho máy bơm tiêm cản quang Salient. Bộ gồm: - 1 xilanh 190ml - 1 Dây áp lực - 1 ống lấy thuốc - Chất liệu xi lanh: PC, Silicon hoặc tương đương - Chất liệu dây áp lực: PU, PC hoặc tương đương - Tiệt trùng bằng EO
230	Xy lanh lấy khí máu động mạch	Cái	8.100	Bơm tiêm lấy khí máu động mạch, Thể tích khoảng 3ml. Loại chất chống đông : Lithium Heparin cân bằng Canxi dạng phun khô. Hàm lượng chất chống đông khoảng 80IU/ml. Tiêu chuẩn chất lượng CE. Có nắp đậy slip-tip

2. Địa điểm cung cấp vật tư; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản vật tư y tế: Bệnh viện Nội tiết trung ương. Địa chỉ: Trụ sở: Đường Nguyễn Bồ (Ngõ 215 Ngọc Hồi) – Tứ Hiệp – Thanh Trì – Hà Nội. Cơ sở: Số 80 Ngõ 82 Yên Lãng – Đống Đa – Hà Nội.

3. Thời gian thực hiện gói thầu : 24 tháng

Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 07 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu đặt hàng hoặc 48h trong trường hợp khẩn cấp.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng : Không áp dụng
- Thanh toán trong vòng 90 ngày sau khi hoàn thiện các tài liệu thanh toán.

5. Yêu cầu về hồ sơ báo giá bao gồm các tài liệu sau:

- Báo giá (Theo mẫu tại Phụ lục đính kèm.)
- Catalog, hợp đồng tương tự, cấu hình và tính năng kỹ thuật của vật tư và các tài liệu khác liên quan (nếu có).

Rất mong được sự hợp tác của Quý vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, VT-TBYT.

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN NỘI TIẾT TRUNG ƯƠNG

Phan Hoàng Hiệp

PHỤ LỤC

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số 851 /BVNTTW ngày 04 tháng 7 năm 2024)

MẪU BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Nội tiết Trung ương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Nội tiết Trung ương, chúng tôi .... *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế

STT	Danh mục thiết bị y tế[2]	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất[3]	Mã HS[4]	Năm sản xuất[5]	Xuất xứ[6]	Số lượng/khối lượng[7]	Thông số kỹ thuật[8]	Tuổi thọ[9]	Đơn giá[10] (VND)	Thành tiền[11] (VND)
1	Hàng hóa 1									
2	Hàng hóa 2									
n	...									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].*

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

- Đơn giá của hàng hóa không thay đổi trong trường hợp số lượng hàng hóa tăng/giảm dưới 10%

……, ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp[12]

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế".

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa

(9) Hạn sử dụng từ ngày sản xuất

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.